**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần: Địa lý Kinh tế Việt Nam**

**Mã số: VGE231**

**Số tín chỉ: 3**

**Khoa: Kinh tế**

**Bộ môn phụ trách: Kinh tế ngành**

**Thái Nguyên, 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD  **KHOA**: **KINH TẾ**  **Bộ môn phụ trách**: **Kinh tế ngành** |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Địa lý Kinh tế Việt Nam**   **- Mã học phần**: **VGE231**

**2. Tên Tiếng Anh: Vietnam Geographical Economics**

**3. Số tín chỉ:** **03** **tín chỉ (2/1/6)** (02 tín chỉ lý thuyết/ 01 tín chỉ thảo luận/6 tín chỉ tự học)

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Khác: theo quy định.

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | TS. Nguyễn Văn Công | 0915600500 | nvcongkt@tueba.edu.vn |  |
| 2 | TS. Dương Thị Tình | 0978875866 | duongthitinh@tueba.edu.vn |  |
| 3 | ThS. Hoàng Văn Dư | 0912478555 | hvdu@tueba.edu.vn |  |
| 4 | ThS. Hoàng Thị Thu Hằng | 0974808968 | thuhang@tueba.edu.vn |  |
| 5 | TS. Nguyễn Văn Thông | 0917767969 | nguyenvanthong@tueba.edu.vn |  |

**6. Mô tả học phần:**

Học phần Địa lý Kinh tế Việt Nam cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội nói chung; Trình bày những khái niệm vùng kinh tế, phân vùng kinh tế dựa theo chuyên môn hóa kinh tế; Cung cấp vai trò, vị trí của từng ngành kinh tế trong tổng thể nền kinh tế;

Ngoài ra học phần còn giúp cho sinh viên hiểu được vị trí của Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới, ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế. giới thiệu các nguồn lực phát triển chủ yếu và cách sử dụng các nguồn lực đó để phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. giới thiệu sự phân bố cụ thể của các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ của Việt Nam; Học phần giới thiệu cụ thể về 8 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm các nội dung về: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, khung lãnh thổ, những thuận lợi - khó khăn và định hướng phát triển của vùng, từ đó sinh viên có thể áp dụng vào thực tế trong quy hoạch, lựa chọn vùng (địa điểm) cụ thể cho đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế.

**7. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | Kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan đến các vùng kinh tế gắn với vị trí địa lý của Việt Nam | 1.2 CTĐT KTNN-PTNT | 3 |
| 1.2 CTĐT KTPT | 3 |
| 1.2 CTĐT KTĐT | 3 |
| 1.2 CTĐT KTYT | 3 |
| **G2** | Phân tích, xác định được vấn đề ưu tiên, có khả năng truyền tải thông tin đến người khác | 2.3 CTĐT KTNN-PTNT | 3 |
| 2.3 CTĐT KTPT | 3 |
| 2.3 CTĐT KTĐT | 3 |
| 2.3 CTĐT KTYT | 3 |
| **G3** | Phát triển khả năng làm việc độc lập và nhóm | 3.1 CTĐT KTNN-PTNT | 3 |
| 3.1 CTĐT KTPT | 3 |
| 3.1 CTĐT KTĐT | 3 |
| 3.1 CTĐT KTYT | 3 |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | **G1.1** | Nắm được những kiến thức về quy luật phân bố kinh tế theo vùng lãnh thổ theo đặc điểm địa lý | 1.2 CTĐT KNN-PTNT | 2 |
| 1.2 CTĐT KTPT | 2 |
| 1.2 CTĐT KTĐT | 2 |
| 1.2 CTĐT KTYT | 2 |
| **G1.2** | Hiểu được những kiến thức cơ bản về lý luận tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội: các khái niệm vùng kinh tế, phân bố kinh tế và quy hoạch vùng kinh tế. | 1.2 CTĐT KNN-PTNT | 2 |
| 1.2 CTĐT KTPT | 2 |
| 1.2 CTĐT KTĐT | 2 |
| 1.2 CTĐT KTYT | 2 |
| **G1.3** | Nắm vững những kiến thức cơ bản về thực trạng phân bố các nguồn tài nguyên, các ngành kinh tế trên lãnh thổ Việt Nam. | 1.2 CTĐT KNN-PTNT | 2 |
| 1.2 CTĐT KTPT | 2 |
| 1.2 CTĐT KTĐT | 2 |
| 1.2 CTĐT KTYT | 2 |
| **G1.4** | Có khả năng phân tích, đánh giá về thực trạng các vùng kinh tế chủ yếu của Việt Nam. | 1.2 CTĐT KNN-PTNT | 3 |
|  | 1.2 CTĐT KTPT | 3 |
|  | 1.2 CTĐT KTĐT | 3 |
|  | 1.2 CTĐT KTYT | 3 |
| **G2** | **G2.1** | Có kỹ năng tiếp cận nghiên cứu các vấn đề kinh tế theo các vùng lãnh thổ khác nhau. | 2.3 CTĐT KTNN-PTNT | 2 |
| 2.3 CTĐT KTPT | 2 |
| 2.3 CTĐT KTĐT | 2 |
| 2.3 CTĐT KTYT | 2 |
| **G2.2** | Có kỹ năng tham gia và phối hợp với người khác trong những dự án nghiên cứu quy hoạch phát triển kinh tế cấp vùng. | 2.3 CTĐT KTNN-PTNT | 3 |
| 2.3 CTĐT KTPT | 3 |
| 2.3 CTĐT KTĐT | 3 |
| 2.3 CTĐT KTYT | 3 |
| **G3** | **G3.1** | Có năng lực phát hiện các vấn đề cần giải quyết và thu thập, tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin về các vấn đề đó trong lĩnh vực quy hoạch phát triển vùng để chủ động đề ra các giải pháp cần thiết. | 3.1 CTĐT KTNN-PTNT | 3 |
| 3.1 CTĐT KTPT | 3 |
| 3.1 CTĐT KTĐT | 3 |
| 3.1 CTĐT KTYT | 3 |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận*** *(nếu có)*

***9.3. Phần khác*** *(nếu có):*

**10. Tài liệu học tập**

***-*** *Sách, giáo trình chính*

1. < Tạ Thị Thanh Huyền >, <Giáo trình Địa lí kinh tế Việt Nam *>*, < NXB Đại học Thái Nguyên >, <2018>.

2. < Nguyễn Văn Huân, Nguyễn Thị Hằng, Trần Thu Phương >, <Giáo trình Phân vùng Kinh tế >, < Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội >, <2010>.

3. < Lê Thông>, <Giáo trình Địa lí kinh tế -Xã hội Việt Nam *>*, < NXB Đại học sư phạm, Hà Nội >, <2013>.

*- Tài liệu tham khảo*

1. < Ngô Doãn Vịnh >, < Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội ở Việt nam - học hỏi và sáng tạo >, < Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội >, <2003>.

2. <website Tổng cục Thống kê>, < <http://www.gso.gov.vn/>

3. <website Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn>,

< <http://www.agroviet.gov.vn/>>

4. <website Bộ Tài nguyên và Môi trường>, <http://www.monre.gov.vn/>>

**11. Nội dụng giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy**  *(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **Chuẩn đầu ra học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Trình độ năng lực** *(TĐNL đạt được khi kết thúc chương)* | **Phương pháp dạy học** *(Thuyết giảng, thảo luận nhóm...)* | **Phương pháp đánh giá**  *(Kiểm tra quá trình, trắc nghiệm, thuyết trình nhóm,...)* |
| 1,2,3 | Giới thiệu đề cương học phần, các hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá Chương 1: Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới1.1. Tổng thể kinh tế thế giới ngày nay 1.2. Các tổ chức quốc tế và khu vực có sự tham gia của Việt Nam  1.3. Đối tượng, phương pháp và nội dung nghiên cứu của môn Địa lý kinh tế | G1.1 | 2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 4,5,6 | Thảo luận 1: Những điểm mạnh, điểm yếu của vị trí địa lý Việt Nam trong phát triển kinh tế đối ngoại. | G1.1  G2.1  G3.1 | 2  2  3 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 7,8,9,10, 11, 12 | **Chương 2: Những vấn đề cơ bản về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội**  2.1. Tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội  2.2. Vùng kinh tế  2.3. Phân vùng kinh tế  2.4. Quy hoạch vùng kinh tế | G1.1  G1.2 | 2  2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 13, 14, 15 | Thảo luận 2: Sự khác nhau giữa Đông bắc bộ và Tây bắc bộ (về các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội) như thế nào? Điều đó dẫn đến phân bố kinh tế khác nhau ra sao?  **Viết bài thu hoạch theo nhóm** | G1.1  G1.2  G1.4  G2.2  G3.1 | 2  2  3  3  3 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 16, 17, 18, 19, 20, 21 | **Chương 3: Các nguồn lực phát triển kinh tế Việt Nam**  3.1. Khái quát chung về các nguồn lực phát triển kinh tế Việt Nam  3.2. Nguồn tài nguyên thiên nhiên và điều kiện tự nhiên của Việt Nam  3.3. Nguồn tài nguyên nhân văn | G1.3 | 2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 22, 23, 24 | Thảo luận 3: Chủ đề tài nguyên đất của Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế | G1.3  G2.2  G3.1 | 2  3  3 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 25, 26 | **Chương 4: Tổ chức lãnh thổ ngành sản xuất Nông - lâm - ngư nghiệp Việt Nam**  4.1. Khái quát chung về ngành sản xuất Nông- lâm- ngư nghiệp | G1.3 | 2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 27 | **Kiểm tra giữa học phần** | G1.1  G1.2  G1.3 | 2  2  2 | Bài kiểm tra cá nhân | Tự luận |
| 28, 29 | **Chương 4: Tổ chức lãnh thổ ngành sản xuất Nông - lâm - ngư nghiệp Việt Nam**  4.2. Tình hình phân bố và phát triển sản xuất Nông- lâm- ngư nghiệp | G1.3 G1.4 | 2  3 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 30, 31, 32 | Thảo luận 4: Những nguyên nhân nào khiến cho các vùng khác nhau của nước ta có những hệ thống nông nghiệp khác nhau? | G1.3  G2.2  G3.1 | 2  3  3 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 33, 34, 35, 36, 37, 38 | **Chương 5: Tổ chức lãnh thổ ngành sản xuất Công nghiệp Việt Nam**  5.1. Vai trò, đặc điểm của ngành sản xuất công nghiệp  5.2. Tình hình phân bố và phát triển công nghiệp Việt nam | G1.3 | 2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 39, 40, 41 | Thảo luận 5:  - Vấn đề 1: Sự phân bố nông - lâm nghiệp của khu vực miền núi phía Bắc.  - Vấn đề 2: Tài nguyên đất của Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế | G1.3  G1.4  G2.2  G3.1 | 2  3  3  3 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 42, 43, 44, 45 | **Chương 6: Tổ chức lãnh thổ ngành dịch vụ Việt Nam**  6.1. Khái quát chung về ngành dịch vụ  6.2. Tình hình phân bố và phát triển một số ngành dịch vụ | G1.3 G1.4 | 2  3 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 46, 47, 48, 49, 50, 51 | **Chương 7: Tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế Việt Nam**  7.1. Vùng Đông Bắc  7.2. Vùng Tây Bắc  7.3. Vùng Đồng bằng sông Hồng  7.4. Vùng Bắc Trung Bộ  7.5. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ  7.6. Vùng Tây Nguyên  7.7. Vùng Đông Nam Bộ  7.8. Vùng đồng bằng sông Cửu Long  7.9. Vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4 | 2  2  2  3 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 52, 53, 54 | Thảo luận 6:  - Vấn đề 1: Thế mạnh trồng cây công nghiệp giá trị cao tại Tây nguyên.  - Vấn đề 2: Sự giống và khác nhau giữa các vùng: Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ.  - Vấn đề 3: Sự giống và khác nhau giữa các vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4 G2.1  G2.2  G3.1 | 2  2  2  3  2  3  3 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
|  | **Thi kết thúc học phần** | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4 | 2  2  2  3 |  | Viết tự luận |

**12. Đánh giá kết quả học tập**

***12.1. Thang điểm: 10***

***12.2. Đánh giá quá trình:*** 50%, trong đó:

Kiểm tra thường xuyên: 30% (Thảo luận nhóm 15%, chuyên cần: 15%)

Kiểm tra giữa kỳ: 20%

***12.3. Thi kết thúc học phần: 50%***

***12.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức kiểm tra** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR đánh giá** | **Trình**  **độ**  **năng**  **lực** | **Phương**  **pháp**  **đánh**  **giá** | **Tỷ lệ %** |
| Đánh giá chuyên cần | Đi học đầy đủ, đúng giờ, hăng hái phát biểu xây dựng bài; trả lời câu hỏi về nội dung bài cũ của giảng viên | Từ tiết 1-54 | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4  G2.1  G2.2  G3.1 | 2  2  2  3  2  3  3 | Điểm danh; tự luận | 15 |
| Thảo luận nhóm | Làm việc nhóm | Tiết 4,5,6; 13,14,-15; 22,23,24; 30,31,32; 39,40,41; 52,53,54 | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4  G2.1  G2.2  G3.1 | 2  2  2  3  2  3  3 | Thuyết trình nhóm | 15 |
| Bài kiểm tra GK | Kiểm tra giữa học phần | Tiết 27 | G1.1  G1.2  G1.3 | 2  2  2 | Tự luận | 20 |
| Thi KTHP | Thi cuối kỳ | Cuối học kỳ | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4 | 2  2  2  3 | Tự luận | 50 |

***12.5. Bảng đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR HP** | **Hình thức kiểm tra** | | | |
| **Đánh giá chuyên cần** | **Thảo luận nhóm** | **KT giữa kỳ** | **Thi kết thúc HP** |
| G1.1 | x | x | x | x |
| G1.2 | x | x | x | x |
| G1.3 | x | x | x | x |
| G1.4 | x | x |  | x |
| G2.1 | x | x |  |  |
| G2.2 | x | x |  |  |
| G3.1 | x | X |  |  |

**13. Các yêu cầu đối với người học:**

- Dự lớp đủ thời gian theo quy định, đi học đúng giờ;

- Thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ các yêu cầu do giảng viên giao;

- Đóng góp ý kiến trong các buổi học, thảo luận nhóm.

**14. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**15. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | **TS. Bùi Nữ Hoàng Anh** | **TS. Nguyễn Thị Thúy Vân** | **TS. Nguyễn Văn Công** |

**16. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm | **(**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm | **(**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |